TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2017
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa
Chị T với anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên;

2. Bà Võ Thị Lan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/ 2017/ QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp 5, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp 5,xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/5/2017 và 20/6/2017 của chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn Q thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T với anh Trần Văn Q do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tổ chức lễ cưới vào năm 1993, đến năm 2004 thì hai người đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hai người sống hạnh phúc và làm nghề

chăn nuôi vịt, nghề này không phát triển nên hai người chuyển sang nghề trồng nấm, cuộc sống vợ chồng tương đối ổn định, khoản hơn một năm nay thì thường xảy ra mâu thuẫn là do anh Q hãy vô cớ kiếm chuyện và thường rượu chè về chửi bới chị T, qua người quen chị T mới biết anh Q có quan hệ với người đàn bà khác, chị T với anh Q không còn sống chung vợ chồng trên một năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc vì vậy chị T xin được ly hôn với anh Q.

Anh Trần văn Q cho rằng anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T với anh Q thống nhất với nhau hai người chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Chị T với anh Q thống nhất với nhau hai người không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị T với anh Q thống nhất với nhau hai người không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện viện kiểm sát: Về tố tụng, thẩm phán đã thực hiện đúng kể từ khi thụ lý vụ án, thẩm phán ra thông báo thụ lý và thông báo hòa giải, tống đạt cho các đương sự đầy đủ, xác minh. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa HĐXX gồm có 01 thẩm phán làm chủ trì, 02 hội thẩm nhân dân, 01 thư ký ghi biên bản, HĐXX đã tiến hành thủ tục đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ngoài ra còn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 của chị T xin ly hôn với anh Q vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 bộ luậ tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T với anh Trần Văn Q do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tổ chức lễ cưới vào năm 1993, đến năm 2004 thì hai người đi đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hai người sống hạnh phúc và làm nghề chăn nuôi vịt, nghề này không phát triển nên hai người chuyển sang nghề

trồng nấm, cuộc sống vợ chồng tương đối ổn định, khoản hơn một năm nay thì thường xảy ra mâu thuẫn là do anh Q hay vô cớ kiếm chuyện và thường rượu chè về chửi bới chị T, qua người quen chị T mới biết anh Q có quan hệ với người đàn bà khác, chị T với anh Q không còn sống chung vợ chồng trên một năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc vì vậy chị T xin được ly hôn với anh Q, anh Q cho rằng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của chị T cho thấy: Chị T với anh Q đã không sống chung vợ chồng đã hơn một năm nay, việc này anh Q cũng thừa nhận, anh Q trình bày trong bản tự khai " vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn", ngoài ra tại biên bản xác minh ngày 08/8/2017 của Tòa án thì ông Nguyễn Văn S là cha của chị T cũng khẳng định do anh Q có nhiều thói hư tật sấu và đối xử không tốt với chị T, Tòa án cho ly hôn là hợp lý. Như vậy cho thấy về hôn nhân giữa chị T với anh Q là tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin được ly hôn với anh Q là hợp lý, được HĐXX chấp nhận, cho chị T ly hôn với anh Q.

[2]. Về con chung: Chị T với anh Q thống nhất với nhau hai người chưa có con chun, nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Chị T với anh Q thống nhất với nhau hai người không có tài sản và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết

[4]Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012216 ngày 30/5/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 1 Điều 28 Điều 35 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng), chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai

thu số 0012216 ngày 30/5/2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có quyền kháng cáo. Riêng anh Trần văn Q vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo bản án trong hạn trên, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xã Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh